

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/DS-ST

Ngày: 27-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bùi Ngọc Hà;

2. Bà: Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Đông - Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, Tòa án nhân dân huyện D mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: số 49 Thôn 4, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bị đơn: Ông K'Đ, sinh năm 1974 và bà Ka T, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà 104 thôn 5B, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông T có mặt; Bị đơn Ông K'Đ, bà Ka T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T trình bày:

Cửa hàng mua bán phân bón, cà phê Thanh Bình do tôi làm chủ có làm ăn, mua bán với ông K'Đ và bà Ka T (địa chỉ: số nhà 104, thôn 5B, xã Đ, huyện D, Lâm Đồng). Ông K'Đ và bà Ka T có vay của tôi nhiều lần tiền. Đến ngày 23/9/2017 vợ chồng ông K'Đ và Ka T có vay tôi số tiền nợ gốc là 97.600.000đồng; khi vay có lập giấy viết tay đề ngày 23/9/2017 dòng đầu tiên ghi "Ka T – K'Đ", thỏa thuận mức lãi suất là 1,8%/ tháng; thời hạn trả nợ là ngày 31/12/2017; phía dưới cùng bên phải của giấy có điểm chỉ và ghi tên "Ka T". Từ thời điểm vay đến

vợ chồng ông K'D và bà Ka T không trả cho tôi được số tiền nào cả gốc và lãi. Tôi liên hệ nhiều lần nhưng vợ chồng ông K'D và bà Ka T không trả.

Nay tôi (Nguyễn Xuân T) yêu cầu Tòa án buộc ông K'D và bà Ka T phải có trách nhiệm thanh toán trả cho tôi số tiền nợ gốc 97.600.000 đồng và tiền lãi nợ tính từ ngày 31/12/2017 cho đến khi đến khi trả hết nợ, tạm tính đến ngày xét xử 27/9/2022 là: 92.187.000 đồng (97.600.000 đồng $\times$ 1,66%/tháng $\times$ 56,9 tháng = 92.187.000 đồng). Tổng tiền nợ gốc, tiền nợ lãi yêu cầu ông K'D và bà Ka T phải thanh toán cho tôi (Nguyễn Xuân T) là: 189.787.000 đồng (nợ gốc 97.600.000đ + nợ lãi 92.187.000đ = tổng 189.787.000 đồng). Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông K'D và bà Ka T: ông K'D và bà Ka T được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa làm việc nên không ghi được lời khai.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, buộc ông K'D và bà Ka T có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc 97.600.000đ + nợ lãi 92.187.000đ = tổng 189.787.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông K'D và bà Ka T phải chịu án phí trên số tiền buộc phải thanh toán cho nguyên đơn ông T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn vợ chồng ông Nguyễn Xuân T với bị đơn ông K'D và bà Ka T. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ gốc 97.600.000đ + nợ lãi 92.187.000đ = tổng 189.787.000 đồng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nơi bị đơn cư trú tại huyện D nên Tòa án nhân dân huyện D thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Ông T khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông K'D và bà Ka T thanh toán nợ vay gốc 97.600.000đ + nợ lãi 92.187.000đ = tổng 189.787.000 đồng, được xác định là quan hệ "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về tố tụng: Bị đơn ông K'D và bà Ka T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông K'D và bà Ka T là đúng quy định của pháp luật.

[4]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1]. Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả:

Tại phiên tòa nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn ông K'D và bà Ka T thanh toán khoản nợ gốc là 97.600.000đ + nợ lãi 92.187.000đ = tổng 189.787.000 đồng và cung cấp tài liệu, chứng cứ là 01 giấy viết tay đề ngày 23/9/2017; nội dung: Nợ vay 97.600.000đ; lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,8%/tháng. Phía dưới cùng có điểm chỉ và ghi tên "Ka T".

Trong khi, ông K'D và bà Ka T đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhưng không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa án, Tòa án đã triệu tập làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nhiều lần nhưng ông K'D và bà Ka T đều vắng mặt, không chấp hành thông báo, triệu tập của Tòa án.

Nên Hội đồng xét xử xét thấy: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T buộc ông K'D và bà Ka T phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền nợ vay gốc là 97.600.000đ;

[4.2]. Về lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 23/9/2017 cho đến ngày xét xử 27/9/2022 là: $97.600.000\text{đ} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 56,9 \text{ tháng} = 92.187.000\text{đ}$.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại giấy viết tay ngày 23/9/2017 các bên có thỏa thuận về lãi suất là 1,8%/tháng. Nhưng tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu điều chỉnh lãi là 1,66%/tháng việc yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định tại điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

Như vậy ông K'D và bà Ka T phải có nghĩa vụ trả cho ông T tổng số tiền nợ gốc là 97.600.000đ + nợ lãi 92.187.000đ = tổng 189.787.000 đồng

[5]. Về án phí: Ông K'D và bà Ka T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền 189.787.000 đồng phải thanh toán cho ông T với số tiền án phí là: 9.489.350đ (Vì số tiền 189,787,000đ nằm trong khoảng 6.000.000đ và 400.000.000đ. Kết quả: $189.787.000 \times 5\% = 9.489.350\text{đ}$)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điều 144, 147; khoản 2 điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông K'D và bà Ka T trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền là 189.787.000đ. Trong đó nợ gốc là 97.600.000đ (theo giấy viết tay ngày 23/9/2017) và nợ lãi là 92.187.000đ.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định Thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Buộc ông K'D và bà Ka T chịu 9.489.350đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện D (02);
- CC THADS huyện D (01);
- Các đương sự (01);
- Lưu HS, AV (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đ